

Van bi VZBE-1/4-WA-63-T-2-F0304-V15V15

Số bộ phận: 8089038

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Cấu trúc xây dựng	Van bi 2 chiều
Kiểu vận hành	cơ khí
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây
Cổng nối van	Đầu hàn theo ASME B16.11

Đặc tính	Giá trị
Hiện thị vị trí chuyển mạch	Hướng khe = hướng lưu lượng
Mẫu khoan mặt bích	F03 F04
Ø trong	11.6 mm
Chiều rộng danh nghĩa DN	8
Chức năng van	2/2
Hướng dòng chảy	có thể đảo ngược
Áp suất danh nghĩa phần ứng PN	63
Mômen ly khai tại chênh lệch áp suất van áp suất danh nghĩa PN	7 Nm
Dựa trên tiêu chuẩn	ASME B16.11 ISO 5211
Môi chất	Hơi nước Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-::-] Khí trơ Nước chất lỏng trung tính
Nhiệt độ trung bình	-20 °C...200 °C
Lưu lượng Kv	19 m ³ /h
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Vật liệu vỏ	Khuôn đúc bằng thép không gỉ
Số vật liệu vỏ	1.4408/CF8M
Vật liệu đệm kín ghế	PTFE, được sửa đổi
Vật liệu cửa phốt	FPM PTFE
Vật liệu khớp cầu	Khuôn đúc bằng thép không gỉ
Số vật liệu cầu	1.4408/CF8M
Vật liệu trục	thép không gỉ hợp kim cao
Số vật liệu trục	1.4401
trọng lượng sản phẩm	400 g
Giấy phép	CRN
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Lớp chống ăn mòn KBK	4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh